



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẠNG LƯỚI THÁNG 10/2025

LẤY MẪU VÀ KIỂM NGHIỆM NƯỚC SẠCH ĐỊNH KỲ THEO THÔNG TƯ 52/2024/TT-BYT CỦA BỘ Y TẾ

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm										
					M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9	M10	M11
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,59	0,64	0,81	0,66	0,82	0,71	0,93	0,90	0,75	0,70	0,77
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	7,01	6,99	7,04	7,03	7,05	7,07	7,05	7,00	7,00	7,02	6,98
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,53	0,56	0,59	0,53	0,59	0,56	0,59	0,59	0,63	0,59	0,56
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,50	0,40	0,20	0,40	0,40	0,40	0,40	0,30	0,30	0,30	0,30

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm											
					M12	M13	M14	M15	M16	M17	M18	M19	M20	M21	M22	
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,82	0,72	0,71	1,01	1,11	1,02	1,03	1,00	0,93	0,99	0,96	
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	6,97	6,99	6,94	6,97	6,96	6,94	6,93	6,95	6,97	7,00	6,98	
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,56	0,59	0,59	0,59	0,63	0,63	0,63	0,59	0,63	0,63	0,66	
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,30	0,30	0,30	0,40	0,40	0,20	0,40	0,30	0,30	0,40	0,30	



Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm										
					M23	M24	M25	M26	M27	M28	M29	M30	M31	M32	M33
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	KPH (MDL=2)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)				< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)
2	Mùi	pp.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ				Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục	Ref.TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	1,03	0,81	0,88	1,13	1,18				1,13	1,07	0,79
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	6,97	6,95	6,94	6,96	6,95				6,98	6,96	6,95
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	0,66	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)				0,66	0,66	< 0,50 (MQL)
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1				< 1	< 1	< 1
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1				< 1	< 1
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,30	0,40	0,20	0,40	0,30				0,40	0,30	0,30

Stt	Chỉ tiêu kiểm tra	Phương pháp thử	Đơn vị	Tiêu chuẩn	Kết quả kiểm nghiệm									
					M34	M35	M36	M37	M38	M39	M40	M41		
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015	mg/l Pt	≤ 15	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	5	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)	< 5 (MQL)		
2	Mùi	PP.HH.3.11 (*)	-	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ		
3	Độ đục	Ref TCVN 6184:2008	NTU	≤ 2	0,68	1,21	1,27	1,22	1,23	1,54	1,54	1,43		
4	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0 - 8,5	6,93	6,93	6,92	6,91	6,92	6,88	6,87	6,90		
5	Pecmanganat	TCVN 6186:1996	mg/l	≤ 2	1,02	< 0,50 (MQL)	< 0,50 (MQL)	0,53	< 0,50 (MQL)	0,53	0,53	0,53		
6	Coliform tổng số	TCVN 6187-1:2019	CFU/100ml	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1		
7	E.Coli	TCVN 6187-1:2019		< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1	< 1		
8	Clo dư tự do	PP so màu orthotolidine (*)	mg/l	0,2 - 1,0	0,50	0,50	0,30	0,50	0,30	0,30	0,20	0,40		

* Ghi chú:

- Tiêu chuẩn theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.

- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

- KPH: Không phát hiện.

- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) : Phương pháp thử chưa đăng ký công nhận.

s) : Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

* Ký hiệu mẫu:

M1: Nước sạch đầu nguồn NMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 1)

M2: Nước sạch giữa nguồn NMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 2)

M3: Nước sạch cuối nguồn NMN Cầu Đỏ (ML Cầu Đỏ 3)

M4: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 4

M5: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 5

M6: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 6

M7: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 7

M8: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 8

M9: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 9

M10: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 10

M11: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 11

M12: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 12

M13: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 13

M14: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 14

M15: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 15

M16: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 16

M17: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 17

M18: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 18

M19: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 19

M20: Nước sạch mạng lưới NMN Cầu Đỏ 20

M21: Nước sạch đầu nguồn NMN Sân Bay

M22: Nước sạch giữa nguồn NMN Sân Bay

M23: Nước sạch cuối nguồn NMN Sân Bay

M24: Nước sạch đầu nguồn NMN Hòa Trung

M25: Nước sạch cuối nguồn NMN Hòa Trung

M26: Nước sạch đầu nguồn NMN Sơn Trà

M27: Nước sạch cuối nguồn NMN Sơn Trà

M28: Nước sạch đầu nguồn NMN Hải Vân

M29: Nước sạch cuối nguồn NMN Hải Vân

M30: Nước sạch đầu nguồn TCN Phú Sơn

M31: Nước sạch cuối nguồn TCN Phú Sơn

M32: Nước sạch đầu nguồn TCN Khe Lạnh

M33: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Lạnh

Nước sạch tại điểm đầu nơi tuyên ông
M34: cấp nước của Dawaco với NMN Hoà
Lien

M35: Nước sạch đầu nguồn TCN Khe Giành

M36: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Giành

M37: Nước sạch cuối nguồn TCN Ngâm Đối

M38: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Rằm

M39: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Dầu

M40: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Áo

M41: Nước sạch cuối nguồn TCN Khe Đập

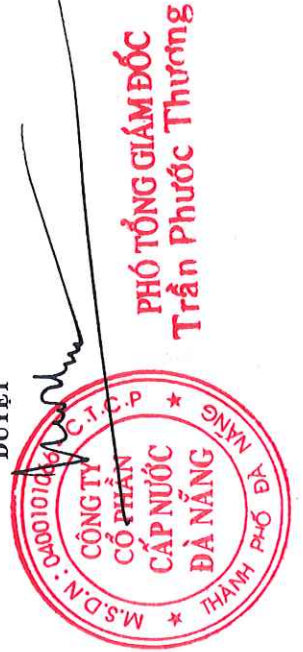
Trong tháng 10/2025, Nhà máy nước Hải Vân ngưng hoạt động nên mẫu đầu nguồn, cuối nguồn NMN Hải Vân không có.

* Nhận xét: Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đáp ứng yêu cầu giới hạn cho phép theo QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt do Bộ Y tế ban hành.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 10 năm 2025

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

DUYỆT



PHẠM VIỆT HƯNG